

BỘ BƯU CHÍNH, VIỄN
THÔNG

Số: 21/2004/QĐ-BBCVT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 9 tháng 4 năm 2004

QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ BƯU CHÍNH, VIỄN THÔNG

Ban hành cước dịch vụ thuê kênh viễn thông nội tỉnh của Tổng Công ty Bưu chính - Viễn thông Việt Nam

BỘ TRƯỞNG BỘ BƯU CHÍNH, VIỄN THÔNG

Căn cứ Nghị định số 90/2002/NĐ-CP ngày 11/11/2002 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Bưu chính, Viễn thông;

Căn cứ Quyết định số 217/2003/QĐ-TTg ngày 27/10/2003 của Thủ tướng Chính phủ về quản lý giá cước các dịch vụ bưu chính, viễn thông;

Xét đề nghị của Tổng Công ty Bưu chính - Viễn thông Việt Nam tại công văn số 287/GCTT ngày 19/01/2004 về cước dịch vụ thuê kênh riêng;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này bảng cước thuê kênh viễn thông nội tỉnh của Tổng Công ty Bưu chính - Viễn thông Việt Nam.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2004. Các quy định trước đây trái với Quyết định này đều bãi bỏ.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Tổng Giám đốc Tổng Công ty Bưu chính - Viễn thông Việt Nam và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**CƯỚC THUÊ KÊNH VIỄN THÔNG NỘI TỈNH CỦA TỔNG CÔNG TY BƯU CHÍNH VIỄN
THÔNG VIỆT NAM**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 21/2004/QĐ-BBCVT

ngày 09 tháng 4 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Bưu chính, Viễn thông)

1. Bảng cước thuê kênh viễn thông nội tỉnh (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)

TT	Kênh tốc độ	Các mức cước	
		Mức 1	Mức 2
1	Kênh điện báo tốc độ 50 baud	292	514
2	Kênh điện báo tốc độ 100 baud	359	633
3	Kênh thoại dùng để liên lạc điện báo nhiều kênh	1.121	1.978
4	Kênh thoại M1040	897	1.582
5	Kênh tốc độ thấp khác (dưới 56 Kbps)	897	1.582
6	Kênh tốc độ 56/64 Kbps	1.502	2.651
7	Kênh tốc độ 128 Kbps	2.431	4.290
8	Kênh tốc độ 192 Kbps	3.066	5.411
9	Kênh tốc độ 256 Kbps	3.804	6.713
10	Kênh tốc độ 320 Kbps	4.270	7.534
11	Kênh tốc độ 384 Kbps	4.735	8.355
12	Kênh tốc độ 448 Kbps	5.302	9.357
13	Kênh tốc độ 512 Kbps	5.871	10.360
14	Kênh tốc độ 576 Kbps	6.208	10.955
15	Kênh tốc độ 640 Kbps	6.546	11.551
16	Kênh tốc độ 704 Kbps	6.883	12.147
17	Kênh tốc độ 768 Kbps	7.221	12.743
18	Kênh tốc độ 832 Kbps	7.618	13.443
19	Kênh tốc độ 896 Kbps	8.015	14.144
20	Kênh tốc độ 960 Kbps	8.412	14.845
21	Kênh tốc độ 1024 Kbps	8.809	15.546
22	Kênh tốc độ 1088 Kbps	9.716	17.146
23	Kênh tốc độ 1152 Kbps	10.622	18.746
24	Kênh tốc độ 1216 Kbps	10.886	19.211
25	Kênh tốc độ 1280 Kbps	11.150	19.676
26	Kênh tốc độ 1344 Kbps	11.414	20.141
27	Kênh tốc độ 1408 Kbps	11.677	20.606
28	Kênh tốc độ 1472 Kbps	11.941	21.071